

**GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT  
VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (2017)  
VÀ LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (2017)**

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
<b>GÓP Ý VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (2017)</b>			
1.	N/A	<p>Điều 2.7 Luật chuyển giao công nghệ có định nghĩa về <i>Chuyển giao công nghệ</i> là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc <b>chuyển giao quyền sử dụng công nghệ</b> từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.</p> <p>Tuy nhiên trong cả Luật và Nghị định đều không có quy định cụ thể hay quy chế riêng đối với hình thức chuyển giao quyền sử dụng công nghệ. Cụ thể đối với Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng công nghệ có bắt buộc phải đăng ký hay không? Có bắt buộc phải báo cáo thực hiện việc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ hay không? Nội dung của hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng công nghệ? Trong khi các quy chế áp dụng riêng cho chuyển giao quyền sử dụng công nghệ được quy định khá rõ trong Luật chuyển giao công nghệ cũng như Nghị định hướng dẫn luật chuyển giao công nghệ cũ.</p>	<p>Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ và chuyển giao quyền sử dụng công nghệ có phạm vi quyền và việc thực hiện rất khác nhau, theo đó quyền và nghĩa vụ của các bên chuyển giao và nhận chuyển giao đối với hai loại Hợp đồng này cũng rất khác nhau. Do đó, Nghị định nên có hướng dẫn với hình thức chuyển giao quyền sử dụng công nghệ và cơ chế áp dụng đối với hợp đồng này một cách rõ ràng hơn như quy định trong Luật chuyển giao công nghệ cũ và Nghị định hướng dẫn.</p>
2.	<b>Điều 3. Ngôn ngữ</b>	<p>Tiêu đề của Điều 3 là: “<i>Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đề nghị cấp phép, đăng ký chuyển giao công nghệ</i>”.</p> <p>Tuy nhiên, nội dung của Điều này lại liên quan đến “ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ”.</p> <p>“<i>Ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận; trường hợp thuộc loại phải cấp phép hoặc đăng ký chuyển giao công nghệ tại Việt Nam thì phải có hợp đồng bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt và được công chức</i></p>	<p>Để thống nhất, tiêu đề của Điều 3 nên được sửa thành “<b><u>ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ</u></b>”.</p> <p>"được <b><u>công chức</u></b> hoặc chứng thực" cần được chỉnh sửa thành "được <b><u>công chứng</u></b> hoặc chứng thực".</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>hoặc chứng thực.</p> <p>Có một lỗi đánh máy trong cụm "được <b>công chức</b> hoặc chứng thực".</p>	
3.	<p><b>Điều 4</b></p> <p><b>Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao</b></p>		<p>Việc chuyển giao công nghệ được khuyến khích chuyển giao, được hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi bởi nhiều ưu đãi khác nhau, trong đó có giảm thuế, v.v.</p> <p>Đồng thời với chính sách nêu trên, nên có các quy định nhằm hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ, trong đó có bao gồm dịch vụ tư vấn về Sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ, v.v.</p>
4.	<p><b>Điều 5.3</b></p> <p>3. Chuyển giá trị công nghệ thành vốn góp vào dự án đầu tư hoặc vào vốn của doanh nghiệp</p> <p>Trường hợp các bên có <u>thỏa thuận góp vốn bằng công nghệ</u>, sau <u>khi hoàn thành việc chuyển giao công nghệ</u> và được các bên xác nhận thì giá trị công nghệ mới được tính vào vốn góp của bên giao công nghệ</p>	<p>Trên thực tế việc chuyển giao công nghệ bao gồm cả việc đào tạo, hướng dẫn, hoặc hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình hoạt động. Như vậy, thời điểm nào được coi là hoàn thành chuyển giao công nghệ không thực sự rõ ràng, trong nhiều trường hợp khó xác định.</p>	<p>Đề nghị quy định rõ hơn về thời điểm hoặc các tiêu chí xác định thời điểm hoàn thành chuyển giao công nghệ.</p> <p>Nên quy định rõ ràng rằng giá trị của công nghệ được chuyển giao trong trường hợp này có thể được thỏa thuận bởi các bên (mà không cần được định giá bởi tổ chức thẩm định, định giá công nghệ).</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	trong dự án đầu tư hoặc vốn góp của doanh nghiệp.		
5.	<p><b>Điều 5.5 Phương thức thanh toán trong hợp đồng chuyển giao công nghệ</b></p>	<p>Điều 5 này không thống nhất với Điều 27 của Luật.</p> <p>Điều 27 của Luật đưa ra <u>sáu</u> lựa chọn cho phương thức thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trả một lần hoặc nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa;</li> <li>• Chuyển giá trị công nghệ thành vốn góp vào dự án đầu tư hoặc vào vốn của doanh nghiệp</li> <li>• Trả kỳ vụ: có 2 lựa chọn, trong đó một lựa chọn là tính theo phần trăm (%) giá bán tịnh;</li> <li>• Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần;</li> <li>• Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của bên nhận;</li> <li>• <i>Phương thức thanh toán khác do các bên thỏa thuận.</i></li> </ul> <p>Tuy nhiên, Điều 5 của Dự thảo Nghị định chỉ liệt kê <u>năm</u> phương thức thanh toán đầu tiên. Có vẻ như điều khoản cuối cùng cho phép các bên trong hợp đồng tự thỏa thuận các phương thức thanh toán đã bị bỏ đi.</p>	<p>Thỏa thuận chuyển giao công nghệ là một hợp đồng thương mại. Các bên liên quan cần được tự do thương lượng các điều khoản cơ bản của thỏa thuận đó, bao gồm cả phương thức thanh toán.</p> <p>Điều khoản hiện tại trong Dự thảo Nghị định không cho phép các bên chọn phương thức thanh toán khác ngoài các hình thức đã được liệt kê. Việc này được xem là đi ngược lại quyền tự do hợp đồng mà Luật đã hỗ trợ.</p> <p>Do đó, chúng tôi đề nghị sửa đổi Điều 5 này bằng cách bổ sung một điều khoản mới, cho phép các bên liên quan lựa chọn các hình thức thanh toán khác ngoài các hình thức đã được quy định.</p>
		<p>Luật chuyển giao Công nghệ quy định các phương thức thanh toán trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Trả một lần hoặc nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa;</li> <li>2) Chuyển giá trị công nghệ thành vốn góp vào dự án đầu tư hoặc vào vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;</li> </ol>	<p>Luật quy định các bên được thỏa thuận phương thức thanh toán khác trong khi Nghị định hạn chế việc thỏa thuận đó bằng cách đưa thêm phương thức “kết hợp các phương thức thanh toán”. Việc hướng dẫn như thế là trái với tinh thần của Luật. Nghị định chỉ thể hướng dẫn đúng các phương thức thanh toán được quy định trong Luật chứ không nên bổ sung thêm hay làm hạn chế quy định pháp luật. Vì thế nên bỏ khoản (5) Điều 5 của Nghị định và thay</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>3) Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh;                      4) Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần;                      5) Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của bên nhận;                      6) Phương thức thanh toán khác do các bên thỏa thuận.</p> <p>Trong khi đó, Nghị định lại hướng dẫn các phương thức thanh toán tại Điều 5 bao gồm:</p> <p>1) Trả một lần hoặc nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa;                      2) Chuyển giá trị công nghệ thành vốn góp vào dự án đầu tư hoặc vào vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;                      3) Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh;                      4) Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần;                      5) Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của bên nhận.                      6) Kết hợp các phương thức thanh toán quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.</p>	<p>thế bằng “Phương thức khác do các bên thỏa thuận”</p>
6.	<p><b>Điều 5.6</b> <b>Giá và phương thức thanh toán</b></p> <p>.....                      6. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ phải thể hiện trên <u>hồ sơ khai thuế</u> các nội dung</p>	<p>Theo quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ và Dự thảo Nghị định, hầu hết các hợp đồng chuyển giao công nghệ đều phải được đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy phép chuyển giao công nghệ.</p> <p>Khi thực hiện các thủ tục này với Bộ khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp đã phải thực hiện cung cấp đầy đủ các thông tin về công nghệ được chuyển giao. Do đó Cơ quan quản lý về Công nghệ hoàn toàn có dữ liệu thống kê cho mục đích quản lý công nghệ được chuyển giao. Mặt khác, theo quy định của luật quản lý thuế, doanh nghiệp khi thực hiện kê khai thuế thu nhập</p>	<p>Đề nghị nên xóa bỏ hoặc thu hẹp và làm rõ đối tượng yêu cầu kê khai thông tin về công nghệ chuyển giao trong hồ sơ khai thuế để tránh phát sinh nhiều thủ tục hành chính cho doanh nghiệp cũng như tránh hiểu nhầm trong quá trình thực hiện.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>sau: số lượng công nghệ được chuyển giao, tên công nghệ, đối tượng công nghệ, xuất xứ và giá trị công nghệ chuyển giao làm căn cứ xác định và giám sát nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế gắn với công nghệ được chuyển giao.</p>	<p>doanh nghiệp hàng năm phải thực hiện kê khai toàn bộ thông tin về giao dịch với các bên liên kết nhằm mục đích quản lý và xác định rủi ro về giá của các giao dịch với các bên liên kết.</p> <p>Như vậy, với hai thủ tục trên doanh nghiệp đã thực hiện kê khai đầy đủ, cơ quan quản lý thuế và cơ quan quản lý công nghệ hoàn toàn có thể chia sẻ dữ liệu thông kê cho mục đích quản lý và xác định rủi ro. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp kê khai thêm các thông tin này trong hồ sơ kê khai thuế là phát sinh thêm thủ tục hành chính không cần thiết và đi ngược lại chủ trương giảm thiểu thủ tục hành chính và giảm số giờ kê khai thuế.</p> <p>Ngoài ra, Nghị định yêu cầu doanh nghiệp kê khai thông tin về công nghệ chuyển giao tại hồ sơ kê khai thuế nhưng không nêu rõ là hồ sơ khai thuế gì. Đồng thời khoản này quy định việc kê khai các thông tin này <b>“làm căn cứ xác định và giám sát nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế gắn với công nghệ được chuyển giao”</b>. Quy định này không thể hiện rõ những ưu đãi thuế nào được hiểu là <b><u>gắn với công nghệ được chuyển giao</u></b> theo đó không thể hiện rõ đối tượng cần phải thực hiện việc kê khai này.</p> <p>Trường hợp các ưu đãi thực hiện theo các luật thuế liên quan thì tại từng luật thuế đã có những yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện cụ thể thì mới được hưởng các ưu đãi tương ứng. Với điều khoản này có thể hiểu việc kê khai các thông tin về công nghệ được chuyển giao vô hình chung trở thành một điều kiện bổ sung để doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế. Ví dụ, trường hợp doanh nghiệp hưởng ưu đãi theo diện doanh nghiệp công nghệ cao, theo luật thuế doanh nghiệp phải thỏa mãn các điều kiện về doanh nghiệp công nghệ cao và phải được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao thì</p>	

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>mới được hưởng các ưu đãi tương ứng. Doanh nghiệp đã đảm bảo các điều kiện trên nhưng không kê khai đủ các thông tin về chuyển giao công nghệ tại hồ sơ kê khai thuế thì liệu các ưu đãi của doanh nghiệp có bị ảnh hưởng hay không?</p> <p>Chúng tôi hiểu rằng việc thể hiện các nội dung về chuyển giao công nghệ trên hồ sơ khai thuế cũng như việc kiểm toán giá công nghệ chuyển giao và báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ để quản lý việc chuyển giao công nghệ, bao gồm cả loại hình công nghệ chuyển giao và giá trị công nghệ chuyển giao để xác định chính xác nghĩa vụ thuế và ưu đãi thuế của doanh nghiệp nhất là giữa các công ty có giao dịch liên kết và các công ty có liên hệ với bên nước ngoài.</p> <p>Việc yêu cầu doanh nghiệp vừa thực hiện báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ hàng năm, vừa thực hiện kê khai thuế làm tăng thủ tục hành chính và thời gian làm việc của doanh nghiệp. Chúng tôi hiểu rằng chỉ cần kê khai thông tin một lần duy nhất trên Báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ để giảm thiểu thủ tục hành chính và tạo động lực cho doanh nghiệp. Các cơ quan có liên quan nếu có yêu cầu về thông tin trong Báo cáo chuyển giao công nghệ có thể phối hợp với Bộ Khoa học và Công Nghệ để giải quyết.</p>	<p>Đề xuất không quy định các nội dung <b>số lượng công nghệ được chuyển giao, tên công nghệ, đối tượng công nghệ, xuất xứ và giá trị công nghệ</b> trong tờ khai thuế. Thay vào đó, doanh nghiệp có thể thể hiện các nội dung này tại Báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 7 Nghị định này.</p>
7.	<p><b>Kiểm toán giá công nghệ</b></p> <p>Điều 27 Luật chuyển giao công nghệ quy định “3. Giá công nghệ chuyển giao phải được kiểm toán và</p>	<p>Các doanh nghiệp của chúng tôi bày tỏ băn khoăn về cách hiểu và thực hiện việc kiểm toán về giá chuyển giao công nghệ quy định trong luật chuyển giao công nghệ nêu trên. Kiểm toán giá chuyển giao công nghệ giữa các công ty mẹ con và giữa các bên có quan hệ liên kết sẽ được thực hiện bởi cơ quan chức năng nào. Theo chúng tôi được biết mục đích kiểm toán để hạn chế chuyển giao các công nghệ cũ, lạc hậu vào Việt Nam và đồng thời kiểm soát vấn đề chuyển giá thông qua giá chuyển giao công nghệ khiến cho các công ty con tại Việt Nam nhận chuyển giao công nghệ với giá cao dẫn đến tình trạng làm ăn</p>	<p>Căn cứ vào những phân tích như đã đề cập (tại mục 7,8), chúng tôi đề xuất Bộ Khoa học công nghệ tại Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật chuyển giao công nghệ, việc kiểm toán về giá công nghệ chuyển giao nên được quy định cụ thể hơn về đối tượng áp dụng, quy trình, thủ tục thực hiện việc kiểm toán giá chuyển giao (đơn vị nào thực hiện việc kiểm toán này và thực hiện theo chuẩn mực nào, trường hợp nào được loại trừ). Trong đó, Đối với các giao dịch giữa các bên liên kết nên nên được hướng dẫn thực</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><i>thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và giá trong trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Giữa các bên mà một hoặc nhiều bên có vốn nhà nước;</i></p> <p><i>b) Giữa các bên có quan hệ theo mô hình công ty mẹ - công ty con;</i></p> <p><i>c) Giữa các bên có quan hệ liên kết theo quy định của pháp luật về thuế.</i></p> <p><i>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”</i></p>	<p>thua lỗ tại Việt Nam. Với mục đích như vậy, chúng tôi thấy cần loại trừ các trường hợp đã được kiểm tra chuyên giá hoặc đã có các thỏa thuận giá trước (APA) với cơ quan Thuế Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính để tránh việc kiểm tra chồng chéo cùng một nội dung. Đồng thời, trên thực tế những công ty hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm công nghệ cao, áp dụng công nghệ cao, có mức lợi nhuận tốt thường là những đối tượng rủi ro rất thấp về vấn đề chuyển giá. Việc kiểm toán giá của hợp đồng chuyển giao công nghệ trong trường hợp này không thực sự có ý nghĩa mà chỉ làm tăng thêm chi phí tuân thủ, giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. <b><i>Vì vậy, chúng tôi thấy thực sự cần thiết phải xem xét lại đối tượng cần thực hiện kiểm toán giá ví dụ việc kiểm toán giá chỉ nên áp dụng đối với những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài bất hợp lý.</i></b></p> <p>Theo tìm hiểu của chúng tôi “Kiểm toán” được hiểu là việc kiểm tra bởi một bên độc lập nhằm xác minh tính trung thực và hợp lý của các số liệu kế toán, báo cáo tài chính của các tổ chức, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp. Việc kiểm toán được thực hiện trên cơ sở các tài liệu và chứng từ kế toán được lưu giữ tại doanh nghiệp trên cơ sở các qui định và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung hoặc được ban hành bởi các cơ quan chức năng.</p> <p>Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện có 2 Luật liên quan đến Kiểm toán là Luật Kiểm toán Nhà nước và Luật Kiểm toán độc lập.</p> <p>Theo định nghĩa tại “Luật Kiểm toán Nhà Nước”, “Đối tượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán”. Như vậy, việc kiểm toán đối với các giao dịch giữa</p>	<p>hiện theo các quy định của Bộ Tài chính về giao dịch giữa các bên liên kết. Đặc biệt hơn, việc kiểm toán về giá công nghệ chuyển giao nên được loại trừ đối với các giao dịch giữa các bên liên kết đã được áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA), loại trừ các công ty sản xuất sản phẩm công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao và các công ty có mức lợi nhuận tốt. Đồng thời, Nghị định nên xóa bỏ hoặc thu hẹp và làm rõ đối tượng yêu cầu kê khai thông tin về công nghệ chuyển giao trong hồ sơ khai thuế để tránh phát sinh nhiều thủ tục hành chính cho doanh nghiệp cũng như tránh hiểu nhầm trong quá trình thực hiện.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>các bên mà một bên có vốn nhà nước thì có thể hiểu rằng phải phù hợp với Luật kiểm toán nhà nước.</p> <p>Tuy nhiên, trong quy định tại “Luật kiểm toán độc lập” không có khái niệm về “Kiểm toán về giá”. Trong Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 có đưa ra các khái niệm trong hoạt động kiểm toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm toán độc lập là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính và công việc kiểm toán khác theo hợp đồng kiểm toán</li> <li>• Kiểm toán báo cáo tài chính là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán</li> <li>• Kiểm toán tuân thủ là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện.</li> <li>• Kiểm toán hoạt động là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của một bộ phận hoặc toàn bộ đơn vị được kiểm toán.</li> </ul> <p>Như vậy, trong hệ thống pháp luật Việt nam không có khái niệm/định nghĩa “Kiểm toán về giá”. Doanh nghiệp không hình dung được rõ cơ chế thực hiện việc “Kiểm toán về giá” là như</p>	



Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>thể nào và do cơ quan nào thực hiện, cơ quan quản lý hay đơn vị kiểm toán độc lập. Việc kiểm toán được thực hiện trên cơ sở nào? Các qui định về thuế không có qui định nào yêu cầu phải kiểm toán về giá. Hiện nay không Công ty kiểm toán nào thực hiện kiểm toán về “giá chuyển giao”.</p> <p>Ngoài ra, pháp luật về giá (Luật Giá năm 2012 và Nghị định 177/2013) chỉ quy định về quản lý Nhà nước đối với một số mặt hàng Nhà nước quản lý giá hoặc bình ổn giá. Điều 11 Luật Giá có quy định tổ chức cá nhân có quyền tự định giá hàng hóa dịch vụ do mình sản xuất kinh doanh.</p> <p>Tuy nhiên, đối với giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết, Chính phủ đã có Nghị định riêng (Nghị định 20/2017/NĐ-CP là nghị định hiện hành) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định này quy định nguyên tắc, phương pháp, trình tự, thủ tục xác định giá giao dịch liên kết; nghĩa vụ của người nộp thuế trong kê khai, xác định giá của giao dịch liên kết và kê khai nộp thuế; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quản lý, kiểm tra, thanh tra thuế đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết. Theo đó, việc xác định giá chuyển giao công nghệ giữa các bên có quan hệ liên kết phải tuân thủ và thực hiện theo quy định pháp luật về thuế và giá được hiểu là tuân thủ và thực hiện theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.</p> <p>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012, các nghị định và thông tư hướng dẫn đã đưa ra cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ pháp luật. Thủ tục này đã được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư 201/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013.</p> <p>- APA là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan thuế với người</p>	

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>nộp thuế hoặc giữa cơ quan thuế với người nộp thuế và cơ quan thuế các nước, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký Hiệp định thuế. Thỏa thuận APA đã bao gồm các thỏa thuận, cam kết cụ thể về phương pháp xác định giá, cách thức xác định giá, tính toán các số liệu về mức giá, tỉ suất lợi nhuận... với cơ quan thuế cho những giao dịch liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đạt được thỏa thuận này, doanh nghiệp và cơ quan thuế cần cả một quá trình thương thảo và thẩm định một cách toàn diện. Đồng thời, khi doanh nghiệp đã ký kết thành công APA, doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện theo các cam kết cụ thể đã thỏa thuận trong APA và cơ quan thuế có cơ chế kiểm tra việc thực hiện. Cụ thể, theo quy định hiện hành (Khoản 7, điều 12 Nghị định 20), trường hợp Cơ quan thuế ký Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá với người nộp thuế, Cơ quan thuế có trách nhiệm:             <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Thực hiện quản lý, kiểm tra, thanh tra các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá theo nguyên tắc quản lý rủi ro.</li> <li>(ii) Quản lý, kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá của người nộp thuế theo quy định.</li> </ul> </li> <li>- Trong quá trình thực hiện APA, người nộp thuế có nghĩa vụ nộp Báo cáo APA thường niên về việc chấp hành các nội dung được thỏa thuận tại APA và kèm theo Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (khoản 2 điều 17 thông tư 201).</li> <li>- Theo quy định trên việc kiểm tra, thanh tra đối với từng giao dịch liên kết chỉ áp dụng đối với những giao dịch không thuộc phạm vi của Thỏa thuận APA. Đối với các giao dịch thuộc phạm vi của Thỏa thuận APA, cơ quan thuế chỉ có trách nhiệm giám sát việc thực hiện APA của người nộp thuế và</li> </ul>	

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ thực hiện các nội dung mà người nộp thuế đã thỏa thuận.</p> <p>- Như vậy đối với các công ty đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế luôn luôn đảm bảo rằng các giao dịch liên kết bao gồm cả giá chuyên giao công nghệ đảm bảo nguyên tắc giá thị trường.</p> <p><i>Với những phân tích trên chúng tôi thấy không có khái niệm “kiểm toán về giá chuyên giao”. Hơn nữa, nếu quy định này là để kiểm soát về giá của giao dịch liên kết (giữa công ty mẹ - con và các bên có quan hệ liên kết) thì hiện nay vấn đề xác định giá đối với giao dịch phát sinh giữa các bên có quan hệ liên kết (bao gồm giao dịch chuyển giao công nghệ) cho mục đích tính thuế đã được điều chỉnh bởi Nghị Định 20 - là văn bản pháp luật thuế chuyên ngành.</i></p> <p><i>Đồng thời, APA là một thỏa thuận có giá trị pháp lý giữa người nộp thuế và cơ quan thuế Việt Nam (APA đơn phương), thậm chí có giá trị pháp lý đối với cả cơ quan thuế nước ngoài (APA song phương, đa phương) do vậy chúng tôi thấy rằng đối với những giao dịch đã được bao gồm trong APA, việc kiểm toán giá là việc không cần thiết và làm mất đi ý nghĩa, mục đích cũng như giá trị pháp lý của việc ký kết và áp dụng APA.</i></p>	
8.	<p><b>Kê khai thông tin vượt thỏa thuận có giá trị pháp lý</b></p> <p>Khoản 6 Điều 5 Dự thảo nghị định quy định: “<i>Tổ chức, cá nhân</i></p>	<p>Theo quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ và Dự thảo Nghị định, chúng tôi hiểu rằng hầu hết các hợp đồng chuyển giao công nghệ đều phải được đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc Giấy phép chuyển giao công nghệ. Khi thực hiện các thủ tục này với Bộ khoa học và Công nghệ doanh nghiệp đã phải thực hiện cung cấp đầy đủ các thông tin về công nghệ được chuyển giao. Do đó Cơ quan</p>	

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><i>nhận chuyển giao công nghệ phải thể hiện trên hồ sơ khai thuế các nội dung sau: số lượng công nghệ được chuyển giao, tên công nghệ, đối tượng công nghệ, xuất xứ và giá trị công nghệ chuyển giao làm căn cứ xác định và giám sát nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế gắn với công nghệ được chuyển giao.”</i></p>	<p>quản lý về Công nghệ hoàn toàn có dữ liệu thống kê cho mục đích quản lý công nghệ được chuyển giao. Mặt khác, theo quy định của luật quản lý thuế, doanh nghiệp khi thực hiện kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm phải thực hiện kê khai toàn bộ thông tin về giao dịch với các bên liên kết nhằm mục đích quản lý và xác định rủi ro về giá của các giao dịch với các bên liên kết.</p> <p>Như vậy, với hai thủ tục trên doanh nghiệp đã thực hiện kê khai đầy đủ, cơ quan quản lý thuế và cơ quan quản lý công nghệ hoàn toàn có thể chia sẻ dữ liệu thống kê cho mục đích quản lý và xác định rủi ro. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp kê khai thêm các thông tin này trong hồ sơ kê khai thuế là phát sinh thêm thủ tục hành chính không cần thiết và đi ngược lại chủ trương giảm thiểu thủ tục hành chính và giảm số giờ kê khai thuế.</p> <p>Ngoài ra, Nghị định yêu cầu doanh nghiệp kê khai thông tin về công nghệ chuyển giao tại hồ sơ kê khai thuế nhưng không nêu rõ là hồ sơ khai thuế gì. Đồng thời khoản này quy định việc kê khai các thông tin này <b>“làm căn cứ xác định và giám sát nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế gắn với công nghệ được chuyển giao”</b>. Quy định này không thể hiện rõ những ưu đãi thuế nào được hiểu là <b><u>gắn với công nghệ được chuyển giao</u></b> theo đó không thể hiện rõ đối tượng cần phải thực hiện việc kê khai này.</p> <p>Trường hợp các ưu đãi thực hiện theo các luật thuế liên quan thì tại từng luật thuế đã có những yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện cụ thể thì mới được hưởng các ưu đãi tương ứng. Với điều khoản này có thể hiểu việc kê khai các thông tin về công nghệ được chuyển giao vô hình chung trở thành một điều kiện bổ sung để doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế. Ví dụ, trường hợp doanh nghiệp hưởng ưu đãi theo diện doanh</p>	

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>ngành công nghệ cao, theo luật thuế doanh nghiệp phải thỏa mãn các điều kiện về doanh nghiệp công nghệ cao và phải được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao thì mới được hưởng các ưu đãi tương ứng. Doanh nghiệp đã đảm bảo các điều kiện trên nhưng không kê khai đủ các thông tin về chuyển giao công nghệ tại hồ sơ kê khai thuế thì liệu các ưu đãi của doanh nghiệp có bị ảnh hưởng hay không?</p>	
9.	<p><b>Điều 5.7</b> <b>Giá và phương thức thanh toán</b> ...</p> <p>7. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm quyền, trình tự, thủ tục nội dung <u>kiểm toán giá công nghệ</u>.</p>	<p>Luật và dự thảo Nghị định đều không đưa ra định nghĩa về "<u>Kiểm toán giá công nghệ</u>".</p> <p>Ngoài ra, không thấy nêu cơ quan nào thực hiện việc kiểm toán này và thực hiện theo chuẩn mực nào.</p> <p>Mục đích kiểm toán là nhằm hạn chế chuyển giao các công nghệ cũ, lạc hậu vào Việt Nam và đồng thời kiểm soát vấn đề chuyển giá thông qua giá chuyển giao công nghệ khiến cho các công ty con tại Việt Nam nhận chuyển giao công nghệ với giá cao dẫn đến tình trạng làm ăn thua lỗ tại Việt Nam.</p> <p>Với mục đích như vậy chúng tôi thấy cần loại trừ các trường hợp đã được kiểm tra chuyển giá hoặc đã có các thỏa thuận giá trước (APA) với cơ quan Thuế Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính để tránh việc kiểm tra chồng chéo cùng một nội dung.</p> <p>Đồng thời, trên thực tế, những công ty hoạt động kinh doanh sản xuất sản phẩm công nghệ cao, áp dụng công nghệ cao, có mức lợi nhuận tốt thường là những đối tượng rủi ro rất thấp về vấn đề chuyển giá. Việc kiểm toán giá của hợp đồng chuyển giao công nghệ trong trường hợp này không thực sự có ý nghĩa mà chỉ làm tăng thêm chi phí tuân thủ, giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi thấy thực sự cần thiết phải xem xét lại đối tượng cần thực hiện kiểm toán giá ví dụ việc kiểm toán giá chỉ nên áp dụng đối với những doanh</p>	<p>Đề nghị khẩn trương quy định cụ thể hơn về đối tượng áp dụng, quy trình, thủ tục thực hiện việc kiểm toán giá chuyển giao (đơn vị nào thực hiện việc kiểm toán này và thực hiện theo chuẩn mực nào, trường hợp nào được loại trừ). Trong đó, Đối với các giao dịch giữa các bên liên kết nên được hướng dẫn thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính về giao dịch giữa các bên liên kết.</p> <p>Ngoài ra, việc kiểm toán về giá công nghệ chuyển giao nên được loại trừ đối với các giao dịch giữa các bên liên kết đã được áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA), loại trừ các công ty sản xuất sản phẩm công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao và các công ty có mức lợi nhuận tốt.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		<p>ngành thua lỗ kéo dài bất hợp lý.</p> <p>Luật có hiệu lực từ 1/7/2018 nhưng đến nay vẫn Nghị định hướng dẫn vẫn chưa có. Dự thảo Nghị định cũng không hướng dẫn rõ về nội dung này.</p> <p>Việc thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ cần có thời gian để các bên đàm phán, thỏa thuận. Đồng thời, chuyển giao công nghệ là vấn đề xương sống của nhiều doanh nghiệp sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>Các quy định liên quan đến nội dung này có tầm ảnh hưởng rất rộng. Nếu chậm trễ trong việc hướng dẫn thực hiện sẽ gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho các nhà đầu tư.</p>	
10.		<p>1. Theo pháp luật về thuế hiện hành, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần chuẩn bị Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết để chứng minh giá giao dịch là giá hợp lý theo giá thị trường. Đồng thời, theo quy định tại Luật chuyển giao công nghệ, giá của công nghệ được chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam cũng cần được kiểm toán. Do đó, chúng tôi rất băn khoăn cơ quan nào là cơ quan sẽ tiến hành kiểm toán, phạm vi, mục đích của việc kiểm toán giá công nghệ được chuyển giao, và thời gian tiến hành kiểm toán.</p> <p>Ngoài ra, tính đến hiện tại, Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Tài chính và cơ quan trực thuộc (ví dụ Tổng cục thuế) chưa từng tiến hành thanh tra thuế về vấn đề giá công nghệ chuyển nhượng và chúng tôi không có kinh nghiệm trong vấn đề này. Vì vậy, chúng tôi đề nghị nhà làm luật ban hành hướng dẫn chi tiết để chúng tôi có cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, góp phần hoàn thiện quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đồng thời giảm gánh nặng về thủ tục hành chính doanh nghiệp cần thực hiện, tạo</p>	<p>1. Đề nghị quy định rõ trong Nghị định cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm toán; phạm vi và mục đích của việc kiểm toán giá công nghệ được chuyển giao; và thời gian tiến hành kiểm toán</p> <p>2. Đề xuất ban hành cơ chế xử lý trong trường hợp nội dung kiểm toán theo pháp luật về thuế và pháp luật về chuyển giao công nghệ có những quy định trùng lặp, cụ thể</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
		động lực cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh	như sau: (i) Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ sẽ kết hợp để kiểm toán doanh nghiệp cùng thời gian hoặc (ii) Các Bộ có cơ chế trao đổi thông tin mình đã tiến hành kiểm toán với cơ quan liên quan, là cơ sở để cơ quan liên quan không cần tự thực hiện kiểm toán.
11.	N/A	Thống nhất quy định với Luật chuyển giao công nghệ 2017	Bổ sung thêm phương thức thanh toán: " <i>Phương thức thanh toán khác do các bên thỏa thuận</i> "
12.	<b>Điều 6.1 Đăng ký Chuyển giao Công nghệ</b>	Yêu cầu đăng ký chuyển giao công nghệ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ là một trở ngại không cần thiết cho các bên chuyển giao công nghệ và sẽ không tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động chuyển giao công nghệ. Bởi vì việc chuyển giao các công nghệ hạn chế chuyển giao đã cần được phê duyệt/được cấp phép bởi các cơ quan có thẩm quyền, việc kiểm soát các công nghệ được chuyển giao có thể được đảm bảo.	Vì vậy, đối với các trường hợp chuyển giao công nghệ không thuộc diện phải phê duyệt, cấp phép, yêu cầu đăng ký chuyển giao công nghệ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền là không cần thiết.
13.	<b>Điều 6. Đăng ký chuyển giao công nghệ</b>  2. Đối với những hợp đồng chuyển giao công nghệ đã ký kết theo Luật Chuyển giao công nghệ 2006, <b>nếu các bên có nhu cầu đăng ký sửa đổi, bổ sung, thì trình tự, thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung</b>	1. Việc đăng ký chuyển giao công nghệ nhằm mục đích quản lý của Nhà nước đối với các luồng chuyển giao công nghệ, chống việc gian lận, chuyển giá, trốn thuế... Tuy nhiên, cần thiết phải có một tiêu chuẩn xác định, quy định trong trường hợp sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng mới cần phải thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung, sửa đổi. Việc phải thực hiện đăng ký với bất kỳ một sửa đổi, bổ sung dù ít hay nhiều nào cũng sẽ làm tăng thêm thủ tục, tốn nhiều thời gian cho doanh nghiệp trong khi việc thỏa thuận các nội dung hợp đồng bao gồm việc sửa đổi, bổ sung là quyền của hai bên tùy theo khả năng và phạm vi chuyển giao.  Ngoài ra, việc đăng ký hợp đồng có thể thuận tiện cho việc quản lý, nhưng có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, thực hiện hợp đồng bởi có nhiều quy định	1. Đề xuất chỉ với những sự thay đổi chính của hợp đồng có ảnh hưởng đến việc quản lý về chuyển giao công nghệ như <b>thời hạn, loại công nghệ</b> thì mới cần phải thực hiện thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung.

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><b>thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ.</b></p> <p><b>3. Đối với những hợp đồng chuyển giao công nghệ được các bên ký kết trước ngày 01 tháng 7 năm 2018,</b> trường hợp có nhu cầu gia hạn hợp đồng chuyển giao công nghệ thì trình tự, thủ tục đăng ký gia hạn thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi).</p>	<p>về thủ tục đăng ký cũng như giám sát, quản lý.</p> <p>2. Giúp doanh nghiệp có cơ sở để chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng chuyển giao công nghệ đúng với quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Đề xuất quy định nội dung và các biểu mẫu của văn bản đề nghị đăng ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nội dung Nghị định này.</p>
14.	<p><b>Điều 6.6</b></p> <p><b>Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ</b></p> <p>a) Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chuyển giao công nghệ</p>	<p>Điều này quy định thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (“GCNĐKCGCN”) cho các Dự án do Thủ tướng chấp thuận đầu tư và Dự án nhóm A và Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và Dự án nhóm B và C.</p> <p>Tuy nhiên, chưa thấy đề cập đến các Dự án đầu tư thuộc diện đăng ký cấp giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mà không cần chấp thuận chủ trương đầu tư và cơ quan có thẩm quyền cấp GCNĐKCGCN trường hợp này</p>	<p>Đề nghị bổ sung cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với Dự án không cần chấp thuận chủ trương đầu tư.</p>



Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam thuộc Dự án do Thủ tướng chấp thuận đầu tư và Dự án nhóm A; chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ được gửi một bản cho Sở Khoa học và Công nghệ, nơi bên nhận công nghệ đặt trụ sở chính để phối hợp theo dõi và kiểm tra việc thực hiện chuyển giao công nghệ.</p> <p>b) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam đối với công nghệ</p>		

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>thuộc Dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và Dự án nhóm B và C; chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ được gửi một bản đến Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp quản lý.</p>		
15.	<p><b>Điều 6.6</b> Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ</p> <p>a) <b>Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam thuộc Dự án</b></p>	<p>Tại Điều 6.6, Dự thảo quy định Bộ Khoa học Công nghệ và Sở Khoa học Công nghệ đều có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ đối với giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (tùy theo cấp độ phê duyệt của dự án đầu tư có sử dụng công nghệ được chuyển giao).</p> <p>Tuy nhiên, Điều 6.7 về thủ tục gửi hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam chỉ đề cập đến thẩm quyền của Bộ Khoa học Công nghệ. Quy định như vậy dẫn đến cách hiểu rằng Sở Khoa học Công nghệ không có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, mâu thuẫn với</p>	<p>Đề xuất sửa đổi Điều 6.7 để thống nhất quy định về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ của Bộ Khoa học Công nghệ và Sở Khoa học Công nghệ.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><b>do Thủ tướng chấp thuận đầu tư</b> và Dự án nhóm A; chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài.</p> <p>...</p> <p><b>b) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam đối với công nghệ thuộc Dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và Dự án nhóm B và C; chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước.</b></p> <p>...</p> <p>7. Hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định</p>	<p>quy định tại Điều 6.6.</p> <p>Điều 6.7 không thống nhất với Điều 6.6.</p> <p>Điều 6.6(b) quy định rằng Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (đối với công nghệ thuộc Dự án đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và Dự án nhóm B và C). Tuy nhiên, theo từ ngữ của Điều 6.7(a), <u>tất cả</u> các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam phải được nộp lên Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>Cần xem xét lại Điều 6.7 để thống nhất với Điều 6.6</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>tại khoản 3 Điều 31 của Luật Chuyển giao công nghệ. Việc gửi hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết chuyển giao công nghệ, <b>bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam</b> hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước <b>ngoài thay mặt các bên gửi một bộ hồ sơ gốc đến Bộ Khoa học và Công nghệ;</b></p> <p>b) Trường hợp chuyển giao công nghệ trong nước, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký</p>		

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>văn bản giao kết chuyên giao công nghệ, bên nhận công nghệ thay mặt các bên gửi một bộ hồ sơ gốc đến Sở Khoa học và Công nghệ, nơi bên nhận công nghệ đặt trụ sở chính.</p>		
16.	<p><b>Điều 7</b> Dự thảo quy định về nghĩa vụ báo cáo thực hiện chuyên giao công nghệ đối với các hợp đồng chuyên giao công nghệ đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ/Giấy chứng nhận đăng ký, bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyên giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyên giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyên giao công nghệ từ Việt</p>	<p>Quy định này là chưa rõ về nội dung các chủ thể phải báo cáo, có thể nguy cơ tạo ra gánh nặng về thủ tục cho doanh nghiệp khi phải thực hiện báo cáo quá nhiều nội dung không cần thiết.</p>	<p>Để đảm bảo thuận lợi trong quá trình thực hiện, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định rõ các nội dung cần phải báo cáo và các nội dung này liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	Nam ra nước ngoài).		
17.	<p><b>Điều 7. Báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ</b></p> <p>2. Đối với chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký và đã thực hiện được trên một năm, hằng năm bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) có trách nhiệm lập báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ của năm trước gửi đến Bộ Khoa học và</p>	<p>1. Báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ cần có dữ liệu về chi phí thanh toán cho chuyển giao công nghệ trong năm. Nếu báo cáo được yêu cầu nộp vào ngày 15 tháng 1 của năm kế tiếp, dữ liệu về chi phí thanh toán kể trên có thể chưa hoàn toàn chính xác so với dữ liệu trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Vì vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi quy định như trên để phù hợp với quy định về thời hạn nộp Hồ sơ quyết toán Thuế thu nhập doanh nghiệp và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp, qua đó đảm bảo dữ liệu được báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền về công nghệ là dữ liệu chính xác và thống nhất với dữ liệu được nộp tới cơ quan thuế.</p> <p>2. Giúp doanh nghiệp có cơ sở để chuẩn bị và nộp báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ đúng với quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Đề xuất sửa đổi thời hạn gửi báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ theo hướng phù hợp với thời hạn nộp Hồ sơ quyết toán Thuế thu nhập doanh nghiệp và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp.</p> <p>2. Đề xuất quy định nội dung và biểu mẫu báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ trong nội dung Nghị định này</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><b>Công nghệ hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, nơi đã cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.</b></p> <p>3. Thời hạn gửi báo cáo thực hiện chuyển giao công nghệ là trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp.</p>		
18.	<p><b>Điều 7.3 - Thời hạn gửi báo cáo thực hiện của hợp đồng chuyển giao công nghệ</b></p>	<p>Theo Điều này, thời hạn nộp báo cáo hàng năm về việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ là <b>trước ngày 15 tháng 1 của năm kế tiếp</b></p> <p>Thời hạn như vậy là không hợp lý và không thực tế. Có thể mất nhiều thời gian để thu thập thông tin và chuẩn bị báo cáo, trong khi tháng 1 là một tháng bận rộn với các doanh nghiệp và hai tuần đầu của tháng 1 cũng là thời gian công du phổ biến của nhân viên nước ngoài và các quản lý trong công ty.</p> <p>Dự thảo Nghị định cũng không đề cập đến việc gia hạn thời hạn.</p>	<p>Đề nghị kéo dài thời hạn, ví dụ: <b>đến cuối tháng 3.</b></p> <p>Cần phải có điều khoản quy định về việc gia hạn thời hạn, ví dụ: trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p>
19.	<p><b>Điều 8</b></p> <p>Dự thảo quy định về nghĩa vụ hoàn trả các khoản vay ưu đãi đã được hưởng trong trường hợp bị hủy bỏ hiệu</p>	<p>Quy định này cần xem xét ở các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về tính hợp lý của quy định:</li> </ul> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật chuyển giao công nghệ thì Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ trong các trường hợp: i) Vi phạm nội dung trong Giấy phép chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> sửa đổi quy định tại Điều 8 Dự thảo theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về việc hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký CGCN: Bổ sung quy định chi tiết, cụ thể về các trường hợp vi phạm pháp luật mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ quy định tại điểm c</li> </ul>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, theo đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa sử dụng khoản hỗ trợ, ưu đãi: phải trả lại toàn bộ</li> <li>- Trường hợp đã sử dụng khoản hỗ trợ, ưu đãi: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp khách quan khác do cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định cụ thể): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng</li> <li>• Do nguyên nhân chủ quan: hoàn trả toàn bộ khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận tính đến</li> </ul> </li> </ul>	<p>đăng ký chuyển giao công nghệ; ii) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ hoặc đăng ký chuyển giao công nghệ; iii) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp vi phạm pháp luật có liên quan.</p> <p>Như vậy, có thể thấy, Giấy chứng nhận bị hủy bỏ hiệu lực trong những trường hợp doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận. Đặc biệt có trường hợp, doanh nghiệp đã gian dối để được cấp Giấy chứng nhận. Đây là hành vi vi phạm nghiêm trọng. Do đó, Dự thảo quy định việc hoàn trả ưu đãi theo hướng phân định việc đã sử dụng hay chưa để xem xét doanh nghiệp có hoàn trả khoản ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng hay không là chưa hợp lý, chưa thể hiện được sự trừng phạt có tính răn đe đối với các hành vi vi phạm của các chủ thể nhận hỗ trợ và nguy cơ gây thất thoát ngân sách nhà nước/quỹ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp khách quan khác do cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định)” không thể được áp dụng cho trường hợp “giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ hoặc đăng ký chuyển giao công nghệ” (điểm b khoản 2 Điều 32 Luật chuyển giao công nghệ) vì trường hợp vi phạm này do ý chí của chủ thể vi phạm;</li> <li>- Quy định “trường hợp khách quan khác do cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định” (điểm b khoản 1 Điều 8) là chưa rõ ràng. Cơ quan nhà nước xem xét, quyết định các trường hợp khách quan khác dựa trên cơ sở/căn cứ nào? Cơ quan nhà nước nào là cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét? Thủ tục để được xem xét là gì? Việc thiếu rõ ràng trong quy định này có thể tạo ra sự tùy tiện trong thực thi</li> </ul>	<p>khoản 2 Điều 32 Luật Chuyển giao công nghệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về các trường hợp phải hoàn trả khoản ưu đãi: Đề nghị quy định về trình tự, thủ tục hoàn trả các khoản ưu đãi đã hưởng cho mọi trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực (nói cách khác, trong các trường hợp Giấy chứng nhận bị hủy bỏ hiệu lực quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp đều phải hoàn trả các khoản ưu đãi đã hưởng).</li> </ul>



Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực</p>	<p>của các cơ quan nhà nước và khó khăn cho các doanh nghiệp khi triển khai thực hiện;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp vi phạm pháp luật có liên quan” (điểm c khoản 2 Điều 32 Luật chuyên giao công nghệ) là một trong những trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hủy bỏ được quy định trong Luật. Tuy nhiên, quy định này chưa rõ ràng ở điểm, không rõ những vi phạm pháp luật nào, cơ quan nhà nước sẽ đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận?</li> </ul>	
20.	<p><b>Điều 9.2</b></p> <p><b>Hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao công nghệ giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội thuộc địa bàn, lĩnh vực ưu đãi đầu tư</b></p> <p>1. Lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành của Luật đầu tư</p> <p>2. <u>Đối tượng và phạm vi áp dụng:</u> Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập</p>	<p>Theo quy định tại Điều 5, Luật đầu tư số 67/2014/QH13 về chính sách về đầu tư về kinh doanh:</p> <p><i>“4. Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế.”</i></p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 2 quy định đối tượng và phạm vi áp dụng lại không rõ ràng những đối tượng nào được hưởng hỗ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- toàn bộ doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế tập thể trong nước (100% vốn trong nước) hay</li> <li>- chỉ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể trong nước (100% vốn trong nước), không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</li> </ul>	<p>Đề nghị xem xét lại khoản 2 và làm rõ đối tượng và phạm vi áp dụng hỗ trợ.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>thể trong nước (100% vốn trong nước) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các đơn vị sự nghiệp có dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư có kèm theo hoạt động chuyển giao công nghệ đối với các công nghệ không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc cấm chuyển giao.</p>		
21.	<p><b>Điều 9.6.d</b> Theo quy định, một trong những điều kiện được hỗ trợ là doanh nghiệp phải “có tình hình sản xuất kinh doanh ổn định, tài chính lành mạnh,”</p>	<p>Như thế nào được cho là kinh doanh “ổn định”, tài chính “lành mạnh”? Các khái niệm này mang tính định tính, tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau và có thể trao quá nhiều quyền quyết định cho cán bộ giải quyết thủ tục. Trong khi đó đây lại là điều kiện để xem xét doanh nghiệp được hỗ trợ hay không, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của doanh nghiệp.</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định cụ thể các khái niệm trên, trong trường hợp không thể quy định theo hướng định lượng được, đề nghị bỏ các điều kiện này.</p> <p><u>Góp ý tương tự</u> đối với quy định tại điểm d khoản 6 Điều 9; đoạn 2 điểm b khoản 6 Điều 14.</p>
22.	<p><b>Điều 10.1 Về hồ sơ đề nghị hỗ trợ</b></p>	<p>Các tài liệu trên cần được xem xét ở các vấn đề sau:</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> thiết kế các yêu cầu trong hồ sơ</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><b>kinh phí</b></p> <p>Dự thảo quy định trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí cần phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- (1) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án và các cá nhân đăng ký thực hiện chính;</li> <li>- (2) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của tổ chức khoa học và công nghệ phối hợp thực hiện đề tài, dự án – nếu có;</li> <li>- (2) Các văn bản chứng minh đề tài, dự án phục vụ chuyển giao, ứng dụng công nghệ đã được Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý về</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu (1): không rõ mục tiêu quản lý khi yêu cầu lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án để làm gì? Chú ý là đây không phải nội dung nằm trong điều kiện để hỗ trợ theo khoản 6 Điều 9 Dự thảo. Do đó, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> bỏ phải có tài liệu này khỏi hồ sơ.</li> <li>- Tài liệu (2), (3): không rõ là những loại tài liệu nào thì có thể đáp ứng yêu cầu? <u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định loại văn bản cụ thể.</li> </ul> <p>Ngoài ra, cần chú ý rằng nhiều điều kiện khác (nêu tại khoản 6 Điều 9) đều chưa thấy được thể hiện trong hồ sơ này (ví dụ điều kiện “Công nghệ chuyển giao phải là của tổ chức KH-CN” thì cần có Quyết định thành lập tổ chức KH-CN? Điều kiện “Công nghệ được chuyển giao phải là công nghệ cao, công nghệ mới” thì cần xác nhận của Cơ quan nào về việc đó là công nghệ cao, công nghệ mới?...). Trong khi đó đây lại là các giấy tờ cần thiết để xác định đơn vị đề nghị hỗ trợ có đáp ứng đủ các điều kiện quan trọng để được hưởng hỗ trợ.</p>	<p>bám sát các điều kiện quy định tương ứng.</p> <p><u>Góp ý tương tự</u> đối với các tài liệu trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ (khoản 1 Điều 15 Dự thảo).</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>khoa học và công nghệ địa phương phê duyệt;</p> <p>(3) Văn bản pháp lý chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị, tài chính và khả năng huy động vốn từ các nguồn khác để thực hiện đề tài, dự án</p>		
23.	<p><b>Điều 10.2 Về quy trình thực hiện</b></p>	<p>Hội đồng đánh giá hồ sơ: Theo quy định tại Dự thảo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ lập Hội đồng đánh giá dự án để đánh giá hồ sơ. Tuy nhiên Dự thảo lại chưa có quy định nào về thành phần Hội đồng đánh giá và quy chế làm việc của Hội đồng này. Điều này có thể khiến việc thực hiện trên thực tế gặp khó khăn.</p> <p>Thời hạn: Dự thảo quy định “thời gian giải quyết hồ trợ không quá 60 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ” nhưng lại chưa có quy định nào về thời hạn để các cơ quan nhà nước xem xét tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ, do đó sẽ không rõ thời điểm nào được cho là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ tính từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ ban đầu. Sự thiếu rõ ràng về khoảng thời gian này cũng có thể khiến cho quy trình xét duyệt bị kéo dài và tạo ra nguy cơ những nhiễu, gây khó khăn từ các cán bộ thực thi.</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định rõ các vấn đề trên. <u>Góp ý tương tự</u> đối với khoản 4 Điều 23 Dự thảo.</p> <p>Để hạn chế tình trạng này, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định rõ về thời gian xem xét tính đầy đủ, đủ hợp lệ của hồ sơ, trong trường hợp phải yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thì cán bộ thực thi chỉ yêu cầu một lần.</p>
24.	<p><b>Điều 12. Sử dụng quyền tài sản bảo</b></p>	<p>Theo Điều 12 của Nghị định thì chỉ những kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ <b>sử dụng ngân sách nhà</b></p>	<p>Xem xét lại vấn đề này. Theo Điều 35 Luật CGCN, có thể hiểu ưu đãi vay vốn được áp dụng chung cho tất cả các</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p><b>đảm cho giao dịch vay vốn</b>                      1. Quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ <b>sử dụng ngân sách nhà nước</b> được nghiệm thu, công nhận và giao quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công được dùng làm quyền tài sản để bảo đảm cho các giao dịch vay vốn nhằm mục đích ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thực hiện các dự án khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa công nghệ.</p> <p>3. Điều kiện đối với kết quả nghiên cứu</p>	<p><b>nước</b> mới được dùng làm quyền tài sản để bảo đảm cho các giao dịch vay vốn nhằm mục đích ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thực hiện các dự án khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa công nghệ.</p> <p>Tuy nhiên, theo Điều 35 Luật Chuyển giao công nghệ 2017, mọi doanh nghiệp đều được sử dụng quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đối tượng sở hữu trí tuệ đề vay vốn, <b>không phân biệt có sử dụng ngân sách nhà nước hay không.</b></p> <p><b>Điều 35. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ</b></p> <p>2. <i>Doanh nghiệp được sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư, đối ứng vốn, nhận vốn đối ứng đầu tư cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của mình và thực hiện nội dung chi khác theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.</i></p> <p>3. <i>Quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đối tượng sở hữu trí tuệ có thể xác định được giá trị là quyền tài sản.</i></p> <p><i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, tổ chức tín dụng được nhận quyền tài sản quy định tại khoản này để bảo đảm cho giao dịch vay vốn đầu tư cho các dự án khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</i></p>	<p>doanh nghiệp, không phân biệt kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ của họ có sử dụng ngân sách nhà nước hay không.</p> <p>Quy định này của Nghị định thể hiện rõ sự ưu đãi đối với những kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ <b>sử dụng ngân sách nhà nước</b>, mà “bỏ qua” các doanh nghiệp tư nhân và các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này không đúng với tinh thần của Luật Chuyển giao công nghệ 2017 là khuyến khích nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ đối với mọi đối tượng, thành phần và khu vực kinh tế. Quy định này hạn chế ưu đãi trong khu vực ngân sách nhà nước – không khuyến khích đầu tư công nghệ cho khu vực tư nhân dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp muốn nhập công nghệ hiện đại cho dự án mà không vay vốn được.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	<p>khoa học và phát triển công nghệ, đổi tượng sở hữu trí tuệ được lấy làm tài sản bảo đảm cho giao dịch vay vốn: a) Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải được nghiệm thu, công nhận với kết quả ĐẠT và được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trước thời điểm giao dịch vốn.</p>		
25.	<p><b>Khoản 4 Điều 14</b> quy định về hình thức hỗ trợ là: “hỗ trợ lãi suất vay đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp thực hiện giải mã, làm chủ công nghệ phục vụ cho các hoạt động nghiên</p>	<p>Không rõ như thế nào được cho là sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia hoặc những sản phẩm này quy định tại văn bản nào?</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> hoặc quy định rõ các sản phẩm này hoặc dẫn chiếu tới văn bản có quy định;</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	cứu chế tạo, thử nghiệm sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia”.		
26.	<b>Điểm b khoản 5 Điều 14</b>	Điểm b khoản 5 Điều 14 có dẫn chiếu tới các hoạt động quy định tại điểm d, e, f khoản 3 Điều 14 để xác định mức hỗ trợ tối đa, nhưng khoản 3 Điều này lại không có điểm e, f.	<u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> rà soát lại để đảm bảo tính chính xác trong dẫn chiếu;
27.	<b>Khoản 6 Điều 14</b> Dự thảo quy định về điều kiện hỗ trợ, trong đó chủ thể muốn hỗ trợ phải “có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện”.	Đây là điều kiện chưa rõ ràng: vì không rõ như thế nào là “đủ điều kiện, năng lực để thực hiện”?	<u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định rõ để đảm bảo thuận lợi khi triển khai thực hiện.
28.	<b>Điều 19</b> <b>Phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước</b>	Quy định này có thể mâu thuẫn với quy định của Luật SHTT (Điều 135) về thù lao cho tác giả sáng chế/ kiểu dáng công nghiệp/ thiết kế bố trí: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 10% lợi nhuận được trả mà chủ sở hữu thu được do sử dụng sáng chế/ kiểu dáng công nghiệp/ thiết kế bố trí;</li> <li>• 15% tổng số tiền mà chủ sở hữu cho mỗi lần thanh toán khinhận được giấy phép cấp quyền sử dụng sáng chế/ kiểu dáng công nghiệp/ thiết kế bố trí.</li> </ul> Ngoài ra, các bên có thể tự thỏa thuận về mức thù lao và không có quy định về mức thù lao tối thiểu.	Chúng tôi đề xuất rằng các bên có thể tự thỏa thuận về mức thù lao và không có quy định về mức thù lao “tối thiểu”.

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
29.	<b>Điều 20 Về biện pháp hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao và ứng dụng trong thực tiễn</b>	<p>Quy trình dự kiến tại Điều 20 chưa rõ ở các điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian để giải quyết thủ tục là bao lâu kể từ thời điểm nhận hồ sơ?</li> <li>- Cơ quan giải quyết thủ tục là cơ quan nào? Dự thảo quy định là “cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ”, nhưng không rõ cơ quan nào là cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền - ví dụ doanh nghiệp sẽ gửi cho sở khoa học và công nghệ hay Bộ hay cơ quan nào khác? Trường hợp nào thì gửi cho sở, trường hợp nào thì gửi cho Bộ?</li> <li>- Quy định về tài liệu yêu cầu trong Hồ sơ chưa đủ rõ ràng: ví dụ tài liệu nào thì được xem là “tài liệu chứng minh kết quả được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn”?</li> </ul>	<p>Để đảm bảo tính minh bạch trong quy định về thủ tục hành chính, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định rõ về các điểm trên.</p> <p><u>Góp ý tương tự</u> đối với thủ tục mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến chuyển giao cho cộng đồng quy định tại Điều 23 Dự thảo.</p>
30.	<b>Điều 30: Biện pháp khuyến khích hình thành mạng lưới liên kết hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước</b>	<p>Dự thảo quy định “tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động môi giới, tư vấn và xúc tiến chuyển giao công nghệ trong các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, hình thành mạng lưới liên kết hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ trong và ngoài <i>được xem xét</i> đưa đi đào tạo tại nước ngoài ...”.</p> <p>Tuy nhiên, Dự thảo lại không có quy định về trình tự, thủ tục, tiêu chí để các chủ thể này được xem xét đưa đi nước ngoài đào tạo và quy định liên quan đến đưa đi đào tạo nước ngoài.</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> quy định rõ các vấn đề trên để đảm bảo thuận lợi trong quá trình thực hiện.</p>
31.	<b>Điều 32</b> Dự thảo quy định về điều kiện đặc thù của tổ chức thẩm định giá công nghệ, bao gồm 02 nhóm là điều kiện về nhân lực và điều kiện về cơ sở	<p>- Về điều kiện nhân lực</p> <p>Quy định về điều kiện nhân lực trong Dự thảo khác biệt so với điều kiện đối với tổ chức thẩm định giá quy định tại Luật giá, theo hướng yêu cầu cao hơn (Luật giá yêu cầu tổ chức phải có tối thiểu 3 thẩm định viên thì Dự thảo yêu cầu tối thiểu 5 thẩm định viên...).</p> <p>Không rõ tại sao cần tăng yêu cầu đối với tổ chức thẩm định giá trong lĩnh vực này? Lĩnh vực này có đặc thù gì so với thẩm</p>	<p>Để đảm bảo tạo thuận lợi cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo tính đặc thù của hoạt động thẩm định giá công nghệ, <u>đề nghị Ban soạn thảo</u> điều chỉnh quy định theo hướng, yêu cầu thẩm định viên về giá của doanh nghiệp phải có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ, còn số nhân lực thì tương tự như doanh nghiệp thẩm định giá chung, ít nhất 03 thẩm định viên về giá.</p>



Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	vật chất.	<p>định giá nói chung và việc tăng thêm mức yêu cầu có thể giúp xử lý đặc thù này thế nào?</p> <p>Ngoài ra, cần chú ý rằng quy trình thẩm định giá cũng như trách nhiệm của thẩm định viên về giá trong Dự thảo cũng sẽ áp dụng pháp luật về giá, do đó việc nâng cao điều kiện, ví dụ quy định thêm số người có chuyên môn so với doanh nghiệp thẩm định giá dường như chưa phù hợp.</p> <hr/> <p>- <i>Điều kiện về cơ sở vật chất:</i></p> <p>Các điều kiện được thiết kế tại Dự thảo chưa thể hiện rõ tính đặc thù của tổ chức thẩm định giá công nghệ vì có thể có ở bất kỳ doanh nghiệp thẩm định giá nào (trụ sở, hệ thống dữ liệu thông tin phục vụ cho hoạt động thẩm định giá).</p> <p>Mặt khác, quy định điều kiện này tại Dự thảo là không cần thiết, bởi từ góc độ kinh doanh, tự bản thân các doanh nghiệp đã phải đương nhiên bảo đảm các vấn đề này.</p> <p>Đó là chưa kể tới một số bất cập khác, ví dụ: không rõ trụ sở như thế nào là hợp pháp? Hệ thống tư liệu, cơ sở dữ liệu về công nghệ, thị trường, tài chính doanh nghiệp hoặc kết nối với các cơ sở dữ liệu ... như thế nào được cho là cần thiết để thực hiện và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tương ứng?</p>	<p><u>Đề nghị Ban soạn thảo</u> bỏ quy định về trụ sở; quy định theo hướng định lượng về các điều kiện cơ sở vật chất còn lại, trong trường hợp không thể quy định theo hướng định lượng được, đề nghị bỏ các quy định này.</p> <p><u>Góp ý tương tự</u> đối với điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ, giám định công nghệ quy định tại khoản 4 Điều 33 Dự thảo.</p>
<b>GÓP Ý VỀ LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (2017)</b>			
32.	<p><b>Điều 30 Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ</b></p> <p>c) Bản gốc bằng tiếng Việt hoặc bản</p>	<p>Trong các trường hợp công nghệ được chuyển giao là <b>một phần</b> của dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, hoặc mua, bán máy móc thiết bị như <b>Điều 5.2</b> quy định thì khi làm thủ tục xin cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, người nộp đơn chỉ cần nộp <b>chương/mục/phần chuyển giao công nghệ</b> của hợp đồng hay là <b>hợp đồng của cả dự án</b>? Việc quy định không cụ thể có thể gây khó khăn trong việc thực hiện vì trên</p>	<p>Làm rõ vấn đề này trong Nghị định hướng dẫn thi hành.</p>

Stt	Tham chiếu	Vấn đề	Kiến nghị
	sao có chứng thực <b>hợp đồng chuyên giao công nghệ</b> ;...	thực tế, có những hợp đồng dự án dài đến vài trăm trang.	
33.	<p><b>Điều 31. Đăng ký chuyên giao công nghệ</b></p> <p>6. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ trong trường hợp sau đây:</p> <p>b) Hợp đồng không có <b>đối tượng công nghệ, nội dung chuyên giao công nghệ</b>;</p> <p>c) Nội dung hợp đồng trái với quy định của Luật này.</p>	<p>- Theo Điều 23 Luật Chuyên giao công nghệ 2017, “đối tượng công nghệ” thuộc một trong các nội dung của hợp đồng chuyên giao công nghệ. Tại sao trong Điều 31.6b ở cột bên lại tách riêng?</p> <p>- Thế nào là hợp đồng <b>có nội dung trái với quy định của Luật</b> này?</p>	<p>Làm rõ các vấn đề này trong Nghị định hướng dẫn thi hành. Nên quy định cụ thể hợp đồng sẽ bị từ chối đăng ký nếu không có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 23 Luật Chuyên giao công nghệ 2017. Đồng thời, nghị định nên quy định chi tiết các trường hợp nội dung của hợp đồng bị coi là trái luật. Do hợp đồng khi làm thủ tục đăng ký phải có đến 13 nội dung quy định tại Điều 23, việc không quy định chi tiết “thế nào là nội dung trái luật” sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện, dẫn đến thiếu sót, sai sót khi làm thủ tục.</p>